

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 44 /2020/HS-ST
Ngày: 07 – 5 – 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Danh Hương – Cán bộ hưu trí;

Bà Chế Thị Mai – Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

1/ A T (tên gọi khác: P), sinh ngày 01/11/2002 tại K. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Pleitong, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Bana. Tôn giáo: Công giáo. Con ông A T, sinh năm 1981 và bà Y R, sinh năm 1984, đều trú tại: Thôn Pleitong, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo A T: Bà Y R. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo A T: bà Đặng Thị Kim Ng – trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. Có mặt.

2. Người bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Trú tại : Số 0, Bắc K, thành phố K, tỉnh K. Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông A T1, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Pleitong, phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 22/11/2019, A T điều khiển xe mô tô BKS 82H2-8963 đi từ nhà đến rẫy tại phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K để bẻ chuối. Trên đường đi, A T nghe có tiếng nhạc phát ra từ nhà dân. Lúc này A T dừng xe ven đường đi tới xem thì thấy nhà anh Nguyễn Văn T không khóa cửa, không có người ở nhà nên A T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A T đi vào trong nhà kéo 01 máy mô tơ bơm nước đem ra ngoài cất giấu ở bờ ao gần đó, sau đó A T quay lại lấy tiếp 01 đài radio hiệu LCTX bỏ vào túi quần, 01 loa thùng Bluetooth màu đen, 02 micro màu trắng đem ra ngoài thì bị anh T phát hiện nên A T bỏ lại 01 loa thùng, 02 micro rồi bỏ chạy. Trên đường chạy A T đã làm rơi 01 đài radio. Khoảng 30 phút sau, A T quay lại lấy xe mô tô thì bị anh T phát hiện và trình báo công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 120/ĐG-TS ngày 04/12/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng – UBND thành phố Kon Tum kết luận: Tổng giá trị gồm 01 máy mô tơ bơm nước, 01 đài radio, 01 loa thùng và 02 micro là 4.570.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thành phố K thu giữ 01 máy mô tơ bơm nước, 01 loa thùng và 02 micro. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K xác định và trả lại xe cho anh Nguyễn Văn T là đúng theo quy định của pháp luật; Đối với 01 đài radio trên đường bỏ chạy đã làm rơi mất. Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã truy tìm nhưng không thu giữ được; Đối với chiếc xe mô tô 81H2-8963 là của ông A T1 (cha của bị cáo). A T tự ý lấy xe sử dụng và thực hiện hành vi phạm tội nhưng ông A T1 không biết nên Cơ quan công an đã trả lại x echo ông A T1.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTPKT ngày 10/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K truy tố bị cáo A T (tên gọi khác: Pon) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s,i,h khoản 1 Điều 5; điều 90, 91, 100; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày bị cáo và Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố K nhận được bản án và quyết định thi hành.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo A T thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, cộng đồng, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào khiếu nại về hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Đối với người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo A T thừa nhận: Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2019 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Văn T 01 máy mô tơ bơm nước , 01 đài radio hiệu LCTX, 01 loa thùng Bluetooth màu đen và 02 micro màu trắng. Tổng giá trị 4.570.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Lời

khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy hành vi trên của bị cáo A T có đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 43/CT- VKSTPKT ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K truy tố bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn. Tuy nhiên, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã trả lại chủ sở hữu, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ tuổi thành niên (17 tuổi 21 ngày), là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng.

[6] Từ sự nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xét xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo nhận thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo tại địa phương trở thành người công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật.

[7] Các vấn đề khác:

Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô 82H2-8963 được xác định chủ sở hữu là của ông A T1. Bị cáo A T tự ý lấy xe sử dụng và thực hiện hành vi phạm tội, ông A T1 không biết nên Cơ quan công an đã trả lại xe là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **A T (tên gọi khác: P)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm s,i,h khoản 1 Điều 51; điều 90, 91, 100; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **A T 09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K và bị cáo nhận được bản án và quyết định thi hành. Giao bị cáo cho UBND phường Quang Tr, thành phố K, tỉnh K giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo **A T** là người chưa thành niên nên không khấu trừ thu nhập.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **A T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là người chưa thành niên nên bà **Y R** (mẹ bị cáo) có nghĩa vụ nộp thay cho bị cáo.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- UBND phường Quang Trung;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- Công an TP KonTum;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- Công an TP KonTum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

